

TIẾP CẬN ĐỊA LÝ TRONG NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN MIỀN NÚI

(ví dụ xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai)

Nguyễn Cao Huân, Đào Đình Bắc, Phạm Quang Anh,
Nguyễn An Thịnh, Nguyễn Văn Nam

Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐHQG Hà Nội

Bài báo trình bày bản chất và ưu thế của tiếp cận địa lý (tính không gian, tính thời gian, tính tổng hợp và quan hệ tương hỗ, tính cụ thể và ngôn ngữ bản đồ) và kết quả nghiên cứu phát triển nông - lâm nghiệp xã Mường Vi, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai theo tiếp cận này.

1. Tiếp cận địa lý trong nghiên cứu sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên

Bản chất của tiếp cận địa lý: Nghiên cứu các đối tượng tự nhiên và kinh tế - xã hội có thể theo nhiều cách tiếp cận khác nhau, một trong các tiếp cận mang tính tổng hợp và đặc thù theo không gian là tiếp cận địa lý. Từ lý luận và thực tiễn có thể đi đến thống nhất: tiếp cận địa lý (hay quan điểm địa lý) bao gồm tính không gian (tính lãnh thổ), tính thời gian, tính tổng hợp và quan hệ tương hỗ, tính cụ thể và ngôn ngữ bản đồ (Từ điển Bách khoa Địa lý - 1988, tr. 57).

a. *Tính không gian*: là đặc điểm quan trọng nhất khi nghiên cứu sự phân bố không gian (theo phương nằm ngang hay theo chiều thẳng đứng) của bất kì một hiện tượng, một quá trình tự nhiên hay xã hội. Đây là sự khác biệt cơ bản của tiếp cận địa lý đối với tiếp cận khác. Tính không gian theo chiều nằm ngang thường có tên gọi khác là tính lãnh thổ, như vậy tính không gian rộng hơn tính lãnh thổ. Thực tế, trong nhiều công trình khi nói đến tính không gian, tức là nói đến tính lãnh thổ nhiều hơn là tính không gian theo chiều thẳng đứng. Tính không gian cho phép tiến hành đo các thông số về trắc lượng các đối tượng, thí dụ: chiều dài, rộng, chu vi, diện tích của ruộng lúa; độ cao của đồi; v.v.

b. *Tính tổng hợp và quan hệ tương hỗ*: Khi khai thác các điều kiện tự nhiên và xã hội phục vụ sử dụng hợp lý lãnh thổ cần xem xét nhiều yếu tố và các mối quan hệ giữa chúng. Điều này sẽ cho kết quả nghiên cứu gần với thực tế khách quan và hạn chế được các ảnh hưởng tiêu cực có thể xảy ra. Thực tế, còn có nhiều công trình khoa học mới dừng lại xem xét các thành phần địa lý về đặc tính mà chưa chú ý nhiều đến mối quan hệ giữa chúng. Có thể nói đây là tính chất quan trọng thứ hai của tiếp cận địa lý sau tính không gian. Tính tổng hợp không phải đơn giản là tổng số các thành phần, mà là tính phức hợp trong mối quan hệ qua lại của các thành phần.

c. *Tính biến đổi theo thời gian*: Tính biến đổi theo thời gian của các quá trình, hiện tượng tự nhiên và xã hội trong nghiên cứu địa lý thường được chú ý vì nó có ý nghĩa thực tiễn lớn khi dự báo và đề xuất các biện pháp khai thác sử dụng hợp lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Trong địa lý, tính biến đổi theo mùa thường được quan tâm nhiều do tính mùa của các điều kiện tự nhiên có liên quan chặt chẽ đến các hoạt động của con người; thí dụ ở miền Bắc nước ta vào mùa hạ nhiệt độ cao nên du lịch nghỉ dưỡng ven biển phát triển hơn vào mùa đông.

d. *Tính cụ thể*: Mỗi một khu vực cụ thể có đặc thù riêng nên biểu hiện tính không gian, tính tổng hợp và quan hệ tương tác, tính biến đổi theo thời gian của các điều kiện không giống nhau và ngay cả trong một lãnh thổ nghiên cứu cũng có sự khác biệt rất nhiều. Nếu tính không gian là điểm khác biệt của các công trình địa lý so với các công trình khoa học khác, thì tính cụ thể là điểm khác biệt cơ bản giữa các công trình địa lý.

e. *Bản đồ*: Bản đồ là ngôn ngữ chung của các khoa học địa lý. Tất cả các nghiên cứu địa lý đều bắt đầu từ bản đồ (dạng tài liệu đầu vào) và kết thúc nghiên cứu phải được thể hiện trên bản đồ (dạng sản phẩm đầu ra). Ngoài báo cáo bằng lời, bằng biểu, các công trình không thể thiếu được các bản đồ thể hiện kết quả nghiên cứu của mình.

Mỗi một nội dung nêu trên của tiếp cận địa lý cần có một tập hợp các phương pháp nghiên cứu phù hợp, thí dụ để nghiên cứu tính không gian lãnh thổ cần sử dụng các phương pháp chính như phương pháp bản đồ, hệ thống thông tin địa lý, giải đoán ảnh viễn thám, còn tính biến đổi theo thời gian dùng phương pháp biểu đồ, đồ thị,...

Những ưu thế và yêu cầu: So với các cách tiếp cận khoa học khác, tiếp cận địa lý có những ưu thế và các yêu cầu sau:

+ Tính tổng hợp và quan hệ tương tác giữa các hợp phần địa lý đòi hỏi khối kiến thức của nhà chuyên môn phải vừa rộng và vừa sâu, và khi thực hiện phải có nhiều chuyên gia ở các lĩnh vực có liên quan cùng tham gia.

+ Các kết quả nghiên cứu được thể hiện khá rõ và dễ hiểu trên bản đồ giúp cho người đọc dễ nhận biết các đặc điểm và tính đặc thù phân bố của các đối tượng.

+ Những ưu thế của tiếp cận địa lý nói trên càng tăng thêm khả năng ứng dụng các khoa học địa lý trong sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên theo lãnh thổ.

Những ứng dụng của tiếp cận địa lý nói trên được áp dụng trong nghiên cứu phát triển nông - lâm nghiệp xã miền núi Mường Vi - huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

2. Đặc điểm tự nhiên và kinh tế xã hội xã Mường Vi

Vị trí địa lý. Mường Vi là một xã miền núi thuộc huyện Bát Xát, nằm ở phía tây bắc của tỉnh Lào Cai, cách thị xã Lào Cai khoảng 27km và thị trấn Bát Xát - 15km theo đường tỉnh lộ 155. Vị trí như vậy đã tạo cho Mường Vi ngoài những đặc thù chung của một xã miền núi còn có những nét đặc thù riêng về tự nhiên cũng như nhân văn.

Địa chất và địa hình. Phần cao của địa hình núi được thành tạo bởi các loại đá macma xâm nhập, phần thấp và phần chân sườn tương ứng với diện phân bố của các thành hệ đá phiến biến chất, phần trục của bồn địa Mường Vi - Bản Xèo bị phức tạp hóa bởi hai khối núi đá vôi sót lớn kéo dài dọc theo đáy thung lũng. Về mặt thạch học, ở đây có mặt những loại đá và mẫu chất chính là đá vôi, đá phiến xêririt, đá granit và trầm tích đệ tứ (aluvi, proluvi, deluvi).

Khí hậu và thủy văn. Khí hậu khu vực nghiên cứu mang đặc trưng chung của khí hậu Lào Cai với nhiệt độ trung bình mùa đông đạt 16-17°C và mùa hè đạt 26,5-28°C, nhiệt độ trung bình năm là 22,8°C, độ ẩm trung bình năm là 86%, độ ẩm thấp nhất là 63%, lượng mưa trung bình năm là 1764,4mm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (từ tháng 5 đến tháng 9).

Hệ thống thủy văn khu vực nghiên cứu thưa thớt, chỉ có suối Mường Vi bắt nguồn từ vùng núi Pa Cheo chảy qua địa phận Mường Vi đến xã Bản Vược trước khi đổ ra sông Hồng. Đây là nguồn cung cấp nước chính cho sinh hoạt và hoạt động canh tác lúa nước ở thung lũng.

Thổ nhưỡng và thực vật. Trong khu vực nghiên cứu có 6 loại đất chính: đất feralit vàng đậm trên đá macma axit (Fa), đất feralit đỏ nâu trên đá vôi (Fv), đất feralit mùn vàng nhạt trên đá macma axit (Ha), đất feralit vàng đỏ trên phiến sét (Fs), đất dốc tụ (D) và đất phù sa ngòi suối (P). Mỗi tương tác giữa nền tảng vật chất rắn và dinh dưỡng (nền địa chất - địa hình, thổ nhưỡng) và nền tảng nhiệt - ẩm (khí hậu, thủy văn) đã tạo cho thảm thực vật khu vực nghiên cứu những nét đặc trưng của thực vật nhiệt đới và á nhiệt đới thuộc phụ miền thực vật Việt Bắc - Hoa Nam, khu hệ thực vật Tây Bắc Hoàng Liên Sơn với kiểu thảm thực vật rừng kín mưa mùa xanh quanh năm. Sự tác động của con người đã làm thay đổi kiểu thảm nguyên sinh và thay vào đó là các kiểu phụ thứ sinh nhân tác.

Dân tộc, dân cư và các hoạt động khai thác tài nguyên. Khu vực nghiên cứu có ba dân tộc chính là Kinh, Dao, Giáy, trong đó nhiều nhất là dân tộc Giáy (chiếm 69,24% tổng số dân), tiếp đến là dân tộc Kinh (21,36%), dân tộc Dao có số lượng ít nhất (9,4%). Người Giáy ngoài canh tác lúa nước dưới thung lũng còn làm nương rẫy và canh tác lúa trên ruộng bậc thang. Người Dao chủ yếu canh tác lúa nước trên ruộng bậc thang và trồng thảo quả. Người Kinh có các hoạt động kinh tế đa dạng nhất, đóng vai trò chủ đạo trong quản lý và các hoạt động kinh tế của khu vực. Nhìn chung, vấn đề dân cư, dân tộc của xã Mường Vi phức tạp do các dân tộc sinh sống với nhiều phong tục tập quán sinh hoạt và sản xuất khác nhau, đã tác động đáng kể vào các hợp phần của môi trường tự nhiên và làm biến đổi các cảnh quan. Do đó, ngoài các nhân tố tự nhiên thì việc nghiên cứu đặc điểm nhân văn, phong tục sinh hoạt, tập quán sản xuất... của các dân tộc là cần thiết trong việc sử dụng bền vững các cảnh quan.

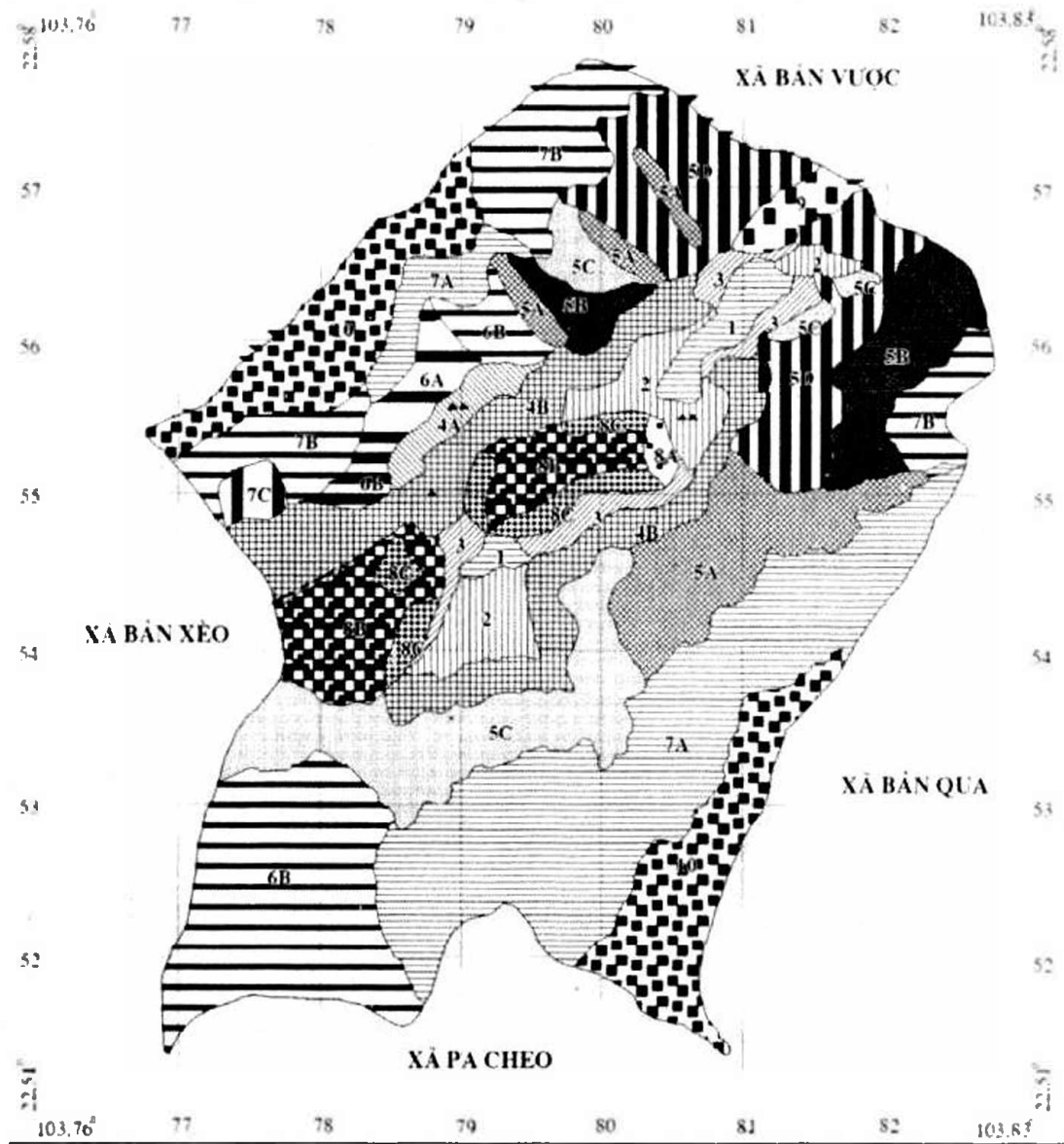
3. Cấu trúc cảnh quan với định hướng khai thác, sử dụng hợp lý lãnh thổ Mường Vi

Dạng cảnh quan được chọn là đơn vị cơ sở của sự phân hoá địa lý tự nhiên lãnh thổ nghiên cứu, được xác định dựa trên sự đồng nhất về một nhóm dạng địa hình, đá mẹ - mẫu chất, thổ nhưỡng và trong điều kiện chung về khí hậu, có cùng khả năng thoát nước (Vũ Tự Lập, 1976; Ixatrenko, 1991;...). Chính trong điều kiện này đã quy định các loại hình khai thác lãnh thổ thích hợp với trình độ của cư dân địa phương.

Điều kiện tự nhiên của lãnh thổ nghiên cứu đa dạng, phân hoá thành 20 diện thuộc 10 dạng cảnh quan. Mỗi dạng cảnh quan có tính chất riêng với đặc thù trong khai thác (bảng 1 và hình 1).

Bảng 1. Cấu trúc cảnh quan Mường Vi

STT	Dạng cảnh quan	Diện cảnh quan	Đặc điểm						
			Dạng địa hình	Độ dốc (độ)	Đá mẹ/mẫu chất	Loại đất	Tầng dày (cm)	Tp cơ giới	Thực vật
1	Dạng cảnh quan bãi bồi trên sản phẩm aluvi - proluvi	1	Vạt tích tụ aluvi	0-3	A-P	P	50-70	c	Lúa 2 vụ
2	Dạng cảnh quan vạt sườn tích trên deluvi - proluvi	2	Vạt sườn tích	3-8	D-P	D	50-70	c	Lúa 1 vụ
3	Dạng cảnh quan nón phóng vật - lũ tích trên aluvi - proluvi	3	Nón phóng vật lũ tích	3-8	A-P	D	50-70	c	Lúa 1 vụ
4	Dạng cảnh quan sườn bảo mòn tích tụ deluvi trên đá granit	4A	Sườn bảo mòn tích tụ deluvi	8-15	Granit	Fa	>100	c	Cây bụi, dây leo
		4B	Sườn bảo mòn tích tụ deluvi	8-15	Granit	Fa	>100	d	Vườn nhà
5	Dạng cảnh quan sườn bảo mòn rửa trôi bề mặt trên đá granit	5A	Sườn bảo mòn rửa trôi bề mặt	15-20	Granit	Fa	>100	d	Chuối rừng
		5B	Sườn bảo mòn rửa trôi bề mặt	15-20	Granit	Fa	>100	d	Cây bụi
		5C	Sườn bảo mòn rửa trôi bề mặt	15-20	Granit	Fa	>100	d	Nương rẫy
		5D	Sườn bảo mòn rửa trôi bề mặt	15-20	Granit	Fa	70-100	d	Nương rẫy, trồng có
6	Dạng cảnh quan sườn xâm thực sâu trên đá granit với loại đất Fa	6A	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	Fa	70-100	d	Rừng thứ sinh
		6B	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	Fa	70-100	d	Cây bụi xen trồng có
		6C	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	Fa	70-100	d	Rừng trồng
7	Dạng cảnh quan sườn xâm thực sâu trên đá granit với loại đất HFa	7A	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	HFa	>100	d	Rừng vầu
		7B	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	HFa	>100	d	Cây bụi
		7C	Sườn xâm thực sâu	20-25	Granit	HFa	>100	d	Rừng trồng
8	Dạng cảnh quan sườn trong lực trên đá vôi	8A	Sườn trong lực	> 25	Đá vôi	Fv	30-50	d	Rừng vầu
		8B	Sườn trong lực	> 25	Đá vôi	Fv	30-50	d	Trồng có
		8C	Sườn trong lực	> 25	Đá vôi	Fv	30-50	d	Cây bụi
9	Dạng cảnh quan sườn trong lực trên đá granit với loại đất Fa	9	Sườn trong lực	> 25	Granit	Fa	70-100	d	Cây bụi
10	Dạng cảnh quan sườn trong lực trên đá granit	10	Sườn trong lực	> 25	Granit	HFa	70-100	d	Rừng thứ sinh



Hình 1. Bản đồ cảnh quan xã Mường Vi - huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai
(Các diện cảnh quan được đánh số 1, 2, 3, 4A, 4B,...)

Để thấy rõ hiệu quả sử dụng các đơn vị cảnh quan, các tác giả đã tiến hành phân tích hiện trạng sử dụng tài nguyên và so sánh với tiềm năng của các đơn vị cảnh quan nhằm xây dựng luận cứ khoa học để đề xuất khai thác, sử dụng hợp lý tiềm năng lãnh thổ xã Mường Vi.

Dạng cảnh quan bãi bồi (gồm diện cảnh quan ký hiệu 1), được hình thành trên mẫu chất chính là aluvi, diện tích 43,67 ha (chiếm 1,6% diện tích lãnh thổ), địa hình tương đối bằng phẳng (độ dốc 0-3°) với loại đất phù sa ngòi suối (P). Dạng cảnh quan này hiện đang được nhân dân sử dụng trồng lúa hai vụ với năng suất 9,6 tấn/năm. Đây là diện tích lúa có năng suất và sản lượng cao nhất khu vực.

Dạng cảnh quan nông lâm tích và vật sừng tích (gồm diện cảnh quan ký hiệu 2 và 3): tổng diện tích 161,02 ha (5,9% diện tích lãnh thổ). Hai dạng cảnh quan này phát triển trên nền địa hình tương đối thoải (độ dốc 3-8°) với loại đất dốc tụ (D) có đá lộ đầu rải rác. Loại hình sử dụng đất trên các dạng cảnh quan này là lúa một vụ và một vụ bỏ hoá với phương thức canh tác: phân bậc địa hình theo đường bình độ để làm ruộng bậc thang. Để khai thác tiềm năng diện tích canh tác của các dạng cảnh quan này cần phải đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi, chuyển diện tích trồng lúa một vụ thành diện tích trồng lúa hai vụ. Những đơn vị không có khả năng làm thủy lợi thì tận dụng khả năng sử dụng bằng cách xen canh một vụ lúa vào mùa mưa và một vụ màu vào mùa khô.

Dạng cảnh quan sừng rửa trôi - tích tụ deluvi phát triển trên đá granit (gồm diện cảnh quan ký hiệu 4A và 4B): diện tích 273,01 ha (10,05% diện tích lãnh thổ). Dạng cảnh quan này phát triển trên bề mặt địa hình dốc (8-15°) có đá lộ đầu rải rác, đặc biệt khu vực làng Mới trên sườn núi Pò Sen có đá lộ đầu nhiều hơn với kích thước lớn gây khó khăn cho việc áp dụng kỹ thuật canh tác. Đất thuộc loại đất feralit vàng đậm phát triển trên đá macma axit với tầng đất dày >100cm. Loại hình sử dụng đất chủ yếu trên dạng cảnh quan này là cây lương thực (phần lớn là ngô) trồng ở đất vườn của người Kinh và người Giáy. Dạng cảnh quan này có tiềm năng lớn cho phát triển một số loại cây ăn quả có giá trị cao nhằm khai thác tiềm năng lãnh thổ hiệu quả hơn.

Dạng cảnh quan sừng bào mòn rửa trôi bề mặt phát triển trên đá granit (gồm diện cảnh quan ký hiệu 5A, 5B, 5C và 5D): phân bố dọc theo hai sườn thung lũng của xã với diện tích 729,3 ha (26,8% diện tích lãnh thổ). Dạng cảnh quan này đặc trưng bởi địa hình có độ dốc 15-20° với loại đất feralit vàng xám phát triển trên đá macma axit (Fa), tầng đất dày >70 cm, quá trình xói mòn rửa trôi chiếm ưu thế, hiện được sử dụng làm nương rẫy với các cây lương thực chủ yếu là ngô, sắn. Nhìn chung, dạng cảnh quan sừng bào mòn rửa trôi bề mặt trên đá granit có thể khai thác kinh tế theo hình thức nông-lâm kết hợp. Với biện pháp trồng rừng theo băng và canh tác các loại cây công nghiệp dài ngày và ngắn ngày, cây ăn quả theo đường bình độ sẽ tận dụng được tiềm năng của dạng cảnh quan này trong khi vẫn đảm bảo được tính bền vững môi trường.

Các dạng cảnh quan sừng xâm thực phát triển trên đá granit (gồm các diện cảnh quan ký hiệu 6A, 6B, 6C và 7A, 7B, 7C): phân bố dọc theo hai sườn thung lũng với diện tích 1013,25 ha (37,3% diện tích lãnh thổ). Dạng cảnh quan này phát triển trên địa hình dốc (20-25°) với loại đất feralit vàng xám hoặc đất feralit mùn vàng nhạt trên đá granit (Fa, Ha), tầng đất dày >70cm, thành phần cơ giới thịt trung bình, hiện tại đang được khoanh nuôi bảo vệ để phục hồi tự nhiên với thảm rừng vầu và cây bụi. Nhân dân địa phương thường khai thác chất đốt và vật liệu phục vụ đan lát từ đơn vị cảnh quan này. Vì nằm ở độ cao trên 700m và là nơi chuyển tiếp giữa hai đai từ trên và dưới 700 m nên dạng cảnh quan 6, 7 thích hợp cho nhiều loại cây nhiệt đới và á nhiệt đới, do vậy

có thể lựa chọn trồng những loại cây có giá trị sử dụng cao như sa nhân, nấm để làm tăng giá trị khai thác sử dụng.

Dạng cảnh quan sườn trọng lực phát triển trên đá vôi (gồm các diện cảnh quan ký hiệu 8A, 8B và 8C): Địa hình rất dốc ($>25^\circ$), loại đất feralit đỏ nâu trên đá vôi (Fv), tầng dày 30-50cm. Quá trình địa lý tự nhiên chủ đạo là đổ lở và karst hoá tạo thành hang động. Hiện tại, dạng cảnh quan này đang được Sở Du lịch Lào Cai khai thác xây dựng thành một điểm du lịch nằm trong tuyến du lịch Lào Cai - Sa Pa - Bát Xát. Qua khảo sát cho thấy ở đây hiện còn tồn tại một đàn khỉ hoang dại ở trên núi, do đó có thể khoanh nuôi nhằm phục vụ du lịch sinh thái. Mặt khác, điều kiện địa hình hiểm trở đặc trưng với sườn núi dốc và cao có thể phục vụ cho du lịch leo núi. Như vậy cảnh quan này có thể kết hợp khai thác cho các loại hình du lịch sinh thái, du lịch hang động và leo núi.

Các dạng cảnh quan sườn trọng lực phát triển trên đá granit (gồm các diện cảnh quan ký hiệu 9, 10) có diện tích 278,33 ha (10,2% diện tích lãnh thổ), phát triển trên địa hình rất dốc ($>25^\circ$) với loại đất feralit mùn vàng nhạt trên đá granit (Ha), thảm thực vật thuộc kiểu rừng kín thường xanh chịu lạnh. Hiện tại dạng cảnh quan này được người Dao khai thác trồng thảo quả dưới tán rừng với tổng diện tích là 6,5 ha, năng suất trung bình 145kg/ha. Nhìn chung, dạng cảnh quan 9 và 10 vẫn còn tiềm năng về diện tích nên có thể mở rộng phát triển thảo quả.

4. Kết luận

Tiếp cận địa lý là một tiếp cận khoa học với những nét đặc thù nhất về tính lãnh thổ, tính tổng hợp và quan hệ tương hỗ, ngôn ngữ bản đồ, tiếp đó là tính biến đổi theo thời gian và tính cụ thể. Với tiếp cận này cảnh quan xã Mường Vi đã được nghiên cứu và đánh giá một cách tổng hợp phục vụ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và du lịch của địa phương.

Từ những kết quả nghiên cứu nêu trên có thể kết luận rằng: nghiên cứu cảnh quan phục vụ phát triển nông thôn miền núi luôn luôn phải được thực hiện theo tiếp cận địa lý (tiếp cận địa lý tổng hợp).

Công trình này được hoàn thành trong khuôn khổ Chương trình nghiên cứu khoa học cơ bản giai đoạn 2001 - 2003, đề tài mã số 740201.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lại Huy Anh, *Nghiên cứu và đánh giá điều kiện địa mạo tỉnh Lào Cai*, NXB KHKT, Hà Nội, 1994.
2. Nguyễn Cao Huân, Tiếp cận kinh tế sinh thái trong địa lý ứng dụng, *Tạp chí "Địa lý nhân văn"*, TTKHXH & NV Quốc gia, 2002, N^o1, tr. 25-30.

3. Ixatrenko A. G. *Cơ sở cảnh quan học và phân vùng địa lý tự nhiên*, NXB Vutsnaia Scola, Matxcova, 1991.
4. Vũ Tự Lập, *Cảnh quan địa lý Miền Bắc Việt Nam*, NXB KHKT, Hà Nội, 1976.
5. Trenhikov A. F (chủ biên), *Từ điển Bách khoa Địa lý*, NXB Sovietskaia Encyclopedia, Matxcova, 1988 (tiếng Nga).

VNU JOURNAL OF SCIENCE, Nat., Sci., & Tech., T XIX, N^o4, 2003

**GEOGRAPHICAL APPROACH FOR STUDYING
RURAL MOUNTAINOUS DEVELOPMENT
(A case study of Muong Vi commune, Bat Xat district, Lao Cai province)**

**Nguyen Cao Huan, Dao Dinh Bac, Pham Quang Anh,
Nguyen An Thinh, Nguyen Van Nam**

Faculty of Geography, College of Science, VNU

The article deals with the nature and priority of geographical approach that consists of spatiality (territoriality), temporality, integration and interrelationship, locality and presenting map. This approach was applied in the study for forest - agricultural development of Muong Vi commune, Bat Xat district, Lao Cai province as mountainous rural development. The investigated results show that landscape study must be carried out by geographical approach for rational use of natural resources and environmental protection.